

Bản án số: **121/2018/HS-PT**

Ngày: 17 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành**

Các thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Phạm Việt Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Ngọc Đức**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Ngọc Kính**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 131/2018/TLPT-HS ngày 01 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo **Lê Thành L** và đồng phạm về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với bản án hình sự sơ thẩm số 56/HSST ngày 22.12.2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Bị cáo bị kháng nghị:

1. LÊ THÀNH L (tên gọi khác: Bi) - Sinh ngày 24.5.1993 tại TP. Hồ Chí Minh; nơi ĐKKHKT: 191/4 đường D, phường T, quận T, TP Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 341/6A3 đường L, Phường X, Quận 1X, TP Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thành L2, sinh năm: 1964 và bà Võ Thị Thu Th, sinh năm 1967; có vợ: Hồ Như Th1, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2016; tiền sự: Không; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam: 26.8.2017. Có mặt.

2. BÙI VĂN L1 (tên gọi khác: Chó) - Sinh ngày: 26.8.1995 tại Bình Định; nơi cư trú: Tổ 1, KV2, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.; nghề

nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Đ (chết) và bà Hồ Thị H, sinh năm 1961; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam: 09.8.2017. Có mặt.

3. PHAN NGỌC T (tên gọi khác: Đại) - Sinh ngày 12.3.1993 tại Bình Định; nơi cư trú: Tổ 1, KV2, phường B, thành phố Q, tỉnh Bình Định.; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Ngọc Th2, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Th4, sinh năm 1969; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bắt tạm giam: 09.8.2017. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 10 giờ 30' ngày 09.8.2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bình Định bắt quả tang Phan Ngọc T đang cất giữ trong người 1 gói hàng vừa nhận tại bến xe Trung tâm thành phố Q. Tiến hành kiểm tra, phát hiện bên trong có 01 gói nylon chứa 3,53 gam Methamphetamine (ma túy đá). Phan Ngọc T khai nhận nguồn gốc số ma túy này của Lê Thành L gửi ra Quy Nhơn theo đường xe khách TP Hồ Chí Minh – thành phố Q cho Bùi Văn L1; L1 bảo T đi lấy về đưa cho L1 chia nhỏ đem bán và sử dụng.

Qua điều tra, đã xác định được như sau:

Lê Thành L và Bùi Văn L1 là đối tượng nghiện ma túy quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook . L và L1 và trao đổi việc mua bán ma túy với nhau cụ thể như sau: L cho L1 số tài khoản của L tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh để L1 chuyển tiền cho L và L sẽ chuyển ma túy qua đường xe khách ra Quy Nhơn cho L1.

Từ ngày 25.07.2017 đến ngày 08.08.2017, Bùi Văn L1 đã chuyển cho Lê Thành L 07 lần với số tiền 9.100.000 đồng (trong đó L1 trực tiếp chuyển 03 lần số tiền 3.200.000 đồng; Lê Ngọc T chuyển 04 lần số tiền 5.900.000 đồng). Lê Thành L nhận tiền qua tài khoản rồi đi mua 10,943 gam ma túy đá của một đối tượng tên Tuấn (không xác định được lai lịch) với giá 6.150.000 đồng, sau đó L ngụy trang số ma túy này vào hộp quà rồi gửi cho xe ô tô khách ra thành phố Q cho L1. Thông qua việc mua bán ma túy cho L1, L khai thu L1 2.830.000 đồng.

Bùi Văn L1 sử dụng số ma túy là 10,943 gam Methamphetamine đã mua của L như sau:

- + Bán cho Trần Mộng Th5 04 lần, 04 gói, 1,0588 gam thu 1.200.000đ;
- + Giao cho Phan Ngọc T bán cho Nguyễn Thanh L 02 lần, 02 gói 0,5294 gam thu 600.000đ, T nhận tiền đưa cho L1.
- + Bán cho Nguyễn Phan Tấn N 03 lần, 03 gói, 0,7941gam thu 900.000đ;
- + Bán cho một đối tượng tên M (không rõ lai lịch) 02 lần, 02 gói, 0,5294 gam thu 600.000đ;

Tổng cộng Bùi Văn L1 đã bán ma túy cho 04 đối tượng, 11 lần 11 gói ma túy có tổng khối lượng là 2,9117 gam, thu được số tiền 3.300.000đ (trong đó L1 trực tiếp bán 09 lần, 09 gói; L1 giao cho Phan Ngọc T bán 02 lần, 02 gói); L1 khai đã thu lợi 880.000đ. Số ma túy bị bắt quả tang, thu giữ là 3,53 gam. Số ma túy còn lại có khối lượng 4,5013 gam L1 và T sử dụng hết.

Phan Ngọc T là đối tượng sử dụng ma túy. Để có ma túy sử dụng, T đã giúp Bùi Văn L1 04 lần chuyển 5.900.000đ vào tài khoản cho Lê Thành L để mua ma túy. Phan Ngọc T đã trực tiếp 03 lần đi lấy ma túy do Lê Thành L gửi ra theo đường xe khách với khối lượng 7,06 gam về giao cho L1 (trong đó lần cuối cùng khi đang trên đường đem ma túy về thì bị bắt quả tang). T đã giúp L1 đem ma túy đi bán 02 lần, 02 gói, khối lượng 0,5294 gam

Bản kết luận giám định số 169/GĐ-PC54 ngày 14.8.2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Định kết luận: Các hạt tinh thể bên trong 01 gói ni lông ghi thu của Phan Ngọc T có trọng lượng 3,53 gam là Methamphetamine. Methamphetamine nằm trong Danh mục II, STT 67, Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19.7.2013 của Chính phủ.

Ngày 14.11.2017, bà Võ Thị Thu Th (mẹ của Lê Thành L) nộp thay cho bị cáo L 6.000.000đ. Bà Bùi Thị Thanh Th6 (cô ruột của Bùi Văn L1), nộp số tiền 3.300.000đ thay cho bị cáo L1.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 56/HSST ngày 22.12.2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Thành L, Bùi Văn L1 và Phan Ngọc T đều phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thành L 07 (bảy) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26.8.2017.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản , Khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn L1 06 (sáu) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09.8.2017.

Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Ngọc T 06 (sáu) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09.8.2017.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo.

Tại kháng nghị số 08/2018/KN-HS-VC2, ngày 17 tháng 01 năm 2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thành L, Phan Ngọc T, Bùi Văn L1 và xử tăng hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 08/2018/KN-HS-V2 ngày 17-01-2018, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự cho các bị cáo và xử tăng hình phạt đối với bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa, và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lê Thành L là đối tượng nghiện ma túy; từ ngày 25.7.2017 đến ngày 08.8.2017, Lê Thành L đã nhận của Bùi Văn L1 9.100.000đ; L dùng 6.150.000đ để mua 10,943 gam ma túy đá rồi đem bán cho Bùi Văn L1; L thu lợi 2.830.000đ.

Bùi Văn L1 là đối tượng nghiện ma túy; từ ngày 25.07.2017 đến ngày 08.08.2017 đã mua của Lê Thành L 10,943 gam ma túy đá với số tiền 9.100.000đ. Bùi Văn L1 đã đem bán 11 lần với 11 gói, 2,9117 gam ma túy đá cho 04 đối tượng nghiện ma túy, thu số tiền 3.300.000đ; thu lợi bất chính 880.000đ. Cùng Phan Ngọc T sử dụng hết số ma túy có khối lượng 4,5013; số ma túy chưa kịp tiêu thụ bị bắt, thu giữ có khối lượng 3,53 gam.

Phan Ngọc T là đối tượng nghiện. Biết rõ Bùi Văn L1 mua ma túy về bán và sử dụng, nên từ ngày 25.07.2017 đến ngày 08.08.2017, T đã thực hiện hành vi giúp L1 chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng cho Lê Thành L 04 lần với tổng số tiền 5.900.000đ để mua ma túy về bán; trực tiếp 03 lần đi lấy ma túy đem về cho L1 chia nhỏ đem bán và tham gia đi bán 02 lần.

[2]. Với hành vi nêu trên các bị cáo bị tòa án sơ thẩm đưa ra xét xử về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Hành vi nêu trên của Lê Thành L, Bùi Văn L1 và Phan Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định của Nhà nước về quản lý các chất ma túy; gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương.

Trong vụ án này các bị cáo chỉ được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, các bị cáo có vai trò như nhau. Án sơ thẩm xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là chưa phù hợp, do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận không áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và xử tăng hình phạt đối với các bị cáo.

Án phí : Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Từ những nhận định nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận kháng nghị số 08/2018/KN-HS-V2 ngày 17/01/2018 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Lê Thành L, Bùi Văn L1 và Phan Ngọc T.

- Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Lê Thành L 08 (tám)** năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26.8.2017.

- Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn L1 07 (bảy)** năm tù “Mua bán trái phép chất ma túy”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09.8.2017.

- Áp dụng: Điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p Khoản 1, 2 Điều 46; của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phan Ngọc T 07(bảy)** năm tù “Mua bán trái phép chất ma túy”; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09.8.2017.

2. Án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Định;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành